

Bản án số: 78/2023/DS-PT.

Ngày: 27-02-2023.

V/v: Yêu cầu tuyên bố

hợp đồng vô hiệu.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần:

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy và ông Vũ Toàn Giang.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thu Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 27-02-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 586/2022/TLPT-DS ngày 13-12-2022 do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DSST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân quận N.V.Vbị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXPT-DS ngày 31-3-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21-02-2023. Vụ án xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông P.H.T, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 101 đường số 7, khu phố 5, phường A.P, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông T.Q.T, sinh năm 1968, địa chỉ: Số 16, ngách 97/51 V.C, phường L.G, quận B.Đ, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông P.N.U, sinh năm 1956, địa chỉ: Số nhà 4, ngõ 659 N.H.T, phường X.Đ, quận B.T.L, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyên đơn ông P.H.T nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Toà án nhân dân quận N.V.Vđối với ông P.N.U với yêu cầu giải quyết hợp đồng vô hiệu giữa hai bên đã ký ngày 30-10-2019. Cụ thể như sau:

Qua người quen giới thiệu nên ông P.H.T biết ông P.N.U để kết hợp làm ăn. Tại thời điểm đó ông P.N.U đưa ra thông tin có bằng cấp và chứng chỉ hành nghề về đông y nên ông P.H.T ký “Hợp đồng kinh tế” mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thoả thuận: Vốn điều lệ là 700.000.000 đồng. Ông P.H.T và ông P.N.U mỗi người góp 50% tương ứng 350.000.000 đồng. Cùng ngày 30-10-2019 ký hợp đồng thì ông P.H.T đã chuyển cho ông P.N.U 350.000.000 đồng để thực hiện giai đoạn 1 của Hợp đồng là mở cơ sở điều trị.

Sau một khoảng thời gian ông P.H.T không nhận được báo cáo tài chính mà theo thỏa thuận tại Điều 4 của “Hợp đồng kinh tế” thuộc trách nhiệm của ông P.N.U. Tháng 02-2020 ông P.H.T nhắn tin điện thoại cho ông P.N.U có nội dung đề nghị chấm dứt hợp đồng nhưng không nhận được tín hiệu trả lời. Tháng 3-2020 ông P.H.T tìm hiểu mới biết thông tin ông P.N.U lừa dối, không có bằng cấp và chứng chỉ hành nghề đông y nên không thể xin được Giấy phép kinh doanh mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng như thỏa thuận. Do đó, ông P.H.T khởi kiện với yêu cầu:

- Tuyên bố “Hợp đồng kinh tế” ngày 30-10-2019 vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 408 Bộ luật Dân sự vì lý do đối tượng của hợp đồng không thể thực hiện.

- Buộc ông P.N.U bồi thường thiệt hại tương ứng tiền lãi phát sinh trên số tiền ông P.H.T góp vốn đầu tư với mức 6%/năm kể từ ngày 31-10-2019 đến khi thanh toán hết nghĩa vụ.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, ông T.Q.T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị ông P.N.U bồi thường thiệt hại với mức độ lỗi 70% từ ngày 31-10-2019 đến thời điểm xét xử là 34 tháng, 15 ngày là 60.375.000 đồng x 70% = 42.262.500 đồng.

* Bị đơn ông P.N.U trình bày:

Hai bên quen biết và tự nguyện ký “Hợp đồng kinh tế” ngày 30-10-2019. Ngoài ra hai bên không ký phụ lục hay thỏa thuận khác. Nội dung thỏa thuận của hợp đồng là hai bên: Ông P.H.T và ông P.N.U hợp tác với nhau để mở cơ sở khám bệnh, điều trị phục hồi chức năng mà không thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì hai bên cùng có trách nhiệm tổ chức, xây dựng cơ sở khám bệnh, điều trị phục hồi chức năng, mỗi bên góp 350.000.000 đồng để thực hiện giai đoạn 1 của hợp đồng đã ký. Ông P.N.U thừa nhận cùng ngày ký hợp đồng 30-10-2019 ông P.H.T đã chuyển 350.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận.

Theo thỏa thuận ông P.N.U đã thực hiện trách nhiệm chuẩn bị dược liệu, tự báo chế dược liệu, toàn quyền sử dụng nhân viên, xin giấy phép của cơ sở kinh doanh. Toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng nhận từ ông P.H.T cùng với 350.000.000 đồng là phần vốn góp của mình, ông P.N.U đã sử dụng và việc thu mua dược liệu và thực hiện giai đoạn 1 của hợp đồng hết khoảng 699.600.000 đồng. Khi ông P.H.T đề nghị chấm dứt hợp đồng, ông P.N.U đã chia số dược liệu đã thu mua để chuyển trả vào Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông P.H.T không nhận. Trước yêu cầu khởi kiện của ông P.H.T, bị đơn ông P.N.U cũng đề nghị:

- Chấm dứt “Hợp đồng kinh tế” ngày 30-10-2019.

- Đồng ý trả lại ông Phan Huy Tạc số tiền 350.000.000 đồng nhưng đề nghị được tạo điều kiện về thời gian trả lại tiền; đề nghị hỗ trợ những khó khăn khác

trong quá trình chấm dứt hợp đồng. Đồng thời ông P.N.U đề nghị được sở hữu toàn bộ số được liệu đã mua.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DSST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân quận N.V.V đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P.H.T đối với ông P.N.U.
 - Tuyên bố Hợp đồng kinh tế ngày 30-10-2019 về mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng giữa ông P.H.T với ông P.N.U vô hiệu.
 - Buộc ông P.N.U phải trả ông P.H.T 350.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông P.H.T buộc ông P.N.U phải bồi thường 42.262.500 đồng.

3. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

4. Án phí:

- Ông P.N.U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không giá ngạch và 17.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ hoàn trả.
- Ông P.H.T phải chịu 2.113.125 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2020/0043159 ngày 01-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T.L, ông P.H.T còn phải nộp 1.813.125 đồng án phí dân sự.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân quận N.V.V còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23-9-2022 bị đơn là ông P.N.U trực tiếp nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận B.T.L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án.
- Nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.
- Bị đơn ông P.N.U cho rằng đã thực hiện giai đoạn 1 của hợp đồng nên đề nghị nguyên đơn chia sẻ trách nhiệm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:
 - + Về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.
 - + Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của ông P.N.U.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1]. Kháng cáo của ông P.N.U đảm bảo các điều kiện về chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Tranh chấp Hợp đồng giữa hai cá nhân giao kết thực hiện tại quận B.T.L; bị đơn là ông P.N.U cũng có địa chỉ tại quận N.V.Vnên Toà án nhân dân quận N.V.Vthụ lý và xét xử sơ thẩm vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19-01-2022 ông P.H.T khởi kiện tranh chấp hợp đồng ký ngày 30-10-2019 là đảm bảo thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân quận N.V.Vông P.N.U cũng không ý kiến phản đối về thời hiệu.

Về nội dung:

[4]. Ngày 30-10-2019 hai bên là ông P.H.T và ông P.N.U ký hợp đồng hợp tác với mục đích: Mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng. Đây là hoạt động kinh doanh nghề nghiệp. Điều kiện mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng bắt buộc phải có văn bằng hoặc Giấy chứng nhận trình độ chuyên môn với lương y hoặc Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền hoặc Phương pháp chữa bệnh gia truyền do Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Giám đốc Sở Y tế cấp hoặc có các điều kiện khác theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Khám chữa bệnh và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12-11-2018 của Chính phủ. Trong vụ án này, ông P.N.U nhận trách nhiệm là người trực tiếp điều trị và bào chế dược liệu cho việc điều trị nhưng không đảm bảo điều kiện mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng.

Tại phiên tòa ông P.N.U thừa nhận đến thời điểm tháng 02-2020 ông P.N.U vẫn không làm được thủ tục cấp phép mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng theo thỏa thuận nhưng đã thực hiện một số bước như mua và chế biến dược liệu, chờ thuê mặt bằng để rồi xin cấp phép là không phù hợp. Do đó ông P.H.T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa ông P.N.U cũng nhất trí về việc chấm dứt thỏa thuận hợp tác là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông P.H.T.

Tòa án nhân dân quận N.V.Vxác định hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 408 Bộ luật Dân sự là phù hợp.

[5]. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Tòa án nhân dân quận N.V.Vgiải quyết buộc ông P.N.U thanh toán trả ông P.H.T số tiền 350.000.000 đồng đã nhận góp vốn để hợp tác là đúng quy định tại khoản 1 Điều 407 và khoản 1,2 Điều 131 Bộ luật Dân sự.

Ông P.N.U cho rằng đã sử dụng số tiền nêu trên cho giai đoạn một của sự thỏa thuận hợp tác nhưng không được ông P.H.T thừa nhận vì nhiều lần ông

P.H.T yêu cầu nhưng ông P.N.U không thông báo tài chính mà theo thỏa thuận ông P.N.U có trách nhiệm phải thông báo hàng tháng. Cũng theo thỏa thuận tại Mục 3 của hợp đồng thì giai đoạn 1 chỉ là thuê mặt bằng làm cơ sở điều trị, không có hoạt động thu mua và bào chế dược liệu. Mặt khác, như lời khai của ông P.N.U thì việc mua và chế biến dược liệu vẫn là công việc thường xuyên của mình, công việc này có trước thời điểm ký hợp đồng ngày 30-10-2019. Do đó, ông P.N.U kháng cáo cho rằng ông P.H.T phải chia sẻ và không đồng ý trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng đã nhận góp vốn là không phù hợp.

Lỗi của cả hai bên đã không tìm hiểu kỹ điều kiện hợp tác dẫn đến ký hợp đồng vô hiệu. Tòa án nhân dân quận N.V.V xác định lỗi vô hiệu của hợp đồng chia đều cho cả hai bên là phù hợp. Do đó, Tòa án nhân dân quận N.V.V không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường tiền lãi với mức độ lỗi 70% từ ngày 31-10-2019 đến thời điểm xét xử là 34 tháng 15 ngày là 60.375.000 đồng x 70% = 42.262.500 đồng là có căn cứ.

Do đó, không cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông P.N.U. Quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Án phí: Ông P.N.U sinh năm 1956, là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tòa án nhân dân quận N.V.V không thực hiện thủ tục để xét miễn án phí là thiếu sót. Do đó, cần sửa án sơ thẩm để miễn nộp án phí đối với ông P.N.U.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 15-9-2022 của Tòa án nhân dân quận B.T.L, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P.H.T đối với ông P.N.U.
- Tuyên bố “Hợp đồng kinh tế” ngày 30-10-2019 về mở cơ sở khám, điều trị phục hồi chức năng giữa ông P.H.T với ông P.N.U vô hiệu.
- Buộc ông P.N.U phải trả ông P.H.T 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phạm Văn Tạc có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông P.N.U chậm thi hành án thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì hai bên có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông P.H.T buộc ông P.N.U phải bồi thường 42.262.500 đồng.

3. Án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông P.N.U. Trả lại ông P.N.U 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N.V.V(Biên lai số 43370 ngày 06-10-2022).

- Ông P.H.T phải chịu 2.113.100 đồng (hai triệu một trăm mười ba nghìn, một trăm đồng) án phí dân sự đối với yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2020/0043159 ngày 01-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.T.L, ông P.H.T còn phải nộp 1.813.100 đồng (một triệu, tám trăm mười ba nghìn, một trăm đồng) án phí dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND quận B.T.L;
- Chi cục THADS quận B.T.L;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trí Cường